

HỌC VIỆN CHÍNH TRỊ QUỐC GIA HỒ CHÍ MINH
HỌC VIỆN BÁO CHÍ VÀ TUYÊN TRUYỀN

SỔ GỐC CẤP CHỨNG CHỈ BỒI DƯỠNG VỀ NGHIỆP VỤ BÁO CHÍ ĐỢT 3 NĂM 2026

(Theo Quyết định công nhận kết quả học tập và cấp chứng chỉ lớp Bồi dưỡng về Nghiệp vụ báo chí đợt 3 năm 2026 tại Học viện Báo chí và Tuyên truyền số 1970-QĐ/HVBCTT-ĐT ngày 04 tháng 6 năm 2026 của Giám đốc Học viện Báo chí và Tuyên truyền)

Chương trình ĐT, BD: Nghiệp vụ báo chí.

Thời gian đào tạo, bồi dưỡng: Từ ngày 05/4/2026 đến ngày 31/5/2026.

TT	Họ và tên	Ngày sinh	Nơi sinh	Giới tính	Dân tộc	Số định danh cá nhân	Số hiệu CC	Số vào sổ gốc cấp CC	Ký nhận
1	Nguyễn Song An	01.12.1996	Quảng Ninh	Nữ	Kinh	022196000219	HBT/BD 005679	NVBC03/2026.01	
2	Đặng Ngọc Anh	10.01.1993	Hà Nội	Nữ	Kinh	001193016256	HBT/BD 005680	NVBC03/2026.02	
3	Trần Thị Vân Anh	03.12.1976	Hưng Yên	Nữ	Kinh	034176005309	HBT/BD 005681	NVBC03/2026.03	
4	Lê Phương Anh	12.6.2002	Quảng Ninh	Nữ	Kinh	022302000763	HBT/BD 005682	NVBC03/2026.04	
5	Triệu Lan Anh	25.11.1985	Hưng Yên	Nữ	Kinh	034185008249	HBT/BD 005683	NVBC03/2026.05	
6	Vũ Hải Anh	03.11.1993	Hà Nội	Nữ	Kinh	001193046773	HBT/BD 005684	NVBC03/2026.06	

TT	Họ và tên	Ngày sinh	Nơi sinh	Giới tính	Dân tộc	Số định danh cá nhân	Số hiệu CC	Số vào sổ gốc cấp CC	Ký nhận
7	Phan Hoàng Anh	18.8.1996	Đồng Nai	Nam	Kinh	075096005032	HBT/BD 005685	NVBC03/2026.07	
8	Nguyễn Tuyết Anh	26.12.1990	Hà Nội	Nữ	Kinh	001190015617	HBT/BD 005686	NVBC03/2026.08	
9	Phạm Thị Thanh Băng	11.9.1977	Hà Nội	Nữ	Kinh	001177028881	HBT/BD 005687	NVBC03/2026.09	
10	Phùng Hà Chi	26.4.2004	Hà Nội	Nữ	Kinh	001304040664	HBT/BD 005688	NVBC03/2026.10	
11	Lê Thị Chi	20.10.1992	Quảng Ninh	Nữ	Kinh	022192000551	HBT/BD 005689	NVBC03/2026.11	
12	Khổng Đức Chính	07.5.1995	Phú Thọ	Nam	Kinh	025095004204	HBT/BD 005690	NVBC03/2026.12	
13	Bùi Tất Đạt	21.8.1987	Hà Nội	Nam	Kinh	001087042007	HBT/BD 005691	NVBC03/2026.13	
14	Nguyễn Thị Kim Dung	31.12.1983	Hà Nội	Nữ	Kinh	001183010457	HBT/BD 005692	NVBC03/2026.14	
15	Nguyễn Thị Duyên	28.5.1981	Hưng Yên	Nữ	Kinh	034181011056	HBT/BD 005693	NVBC03/2026.15	
16	Phạm Thị Hương Giang	25.5.1979	Hải Phòng	Nữ	Kinh	030179008743	HBT/BD 005694	NVBC03/2026.16	
17	Nguyễn Thị Thu Hà	06.9.2004	Phú Thọ	Nữ	Kinh	025304002355	HBT/BD 005695	NVBC03/2026.17	

TT	Họ và tên	Ngày sinh	Nơi sinh	Giới tính	Dân tộc	Số định danh cá nhân	Số hiệu CC	Số vào sổ gốc cấp CC	Ký nhận
18	Ngô Thái Hà	18.01.2002	Quảng Ninh	Nữ	Kinh	022302007027	HBT/BD 005696	NVBC03/2026.18	
19	Hoàng Thúy Hằng	14.9.1985	Hà Nội	Nữ	Kinh	001185022154	HBT/BD 005697	NVBC03/2026.19	
20	Vương Hồng Hạnh	11.02.1978	Thanh Hóa	Nữ	Kinh	038178000059	HBT/BD 005698	NVBC03/2026.20	
21	Nguyễn Thị Thu Hiền	21.7.1982	Hải Phòng	Nữ	Kinh	030182010170	HBT/BD 005699	NVBC03/2026.21	
22	Nguyễn Thị Thu Hiền	27.7.2000	Thái Nguyên	Nữ	Kinh	019300008129	HBT/BD 005700	NVBC03/2026.22	
23	Nguyễn Thu Hiền	23.11.1994	Ninh Bình	Nữ	Kinh	036194002011	HBT/BD 005701	NVBC03/2026.23	
24	Trịnh Khánh Hiền	13.12.2003	Nghệ An	Nữ	Kinh	040303005859	HBT/BD 005702	NVBC03/2026.24	
25	Trần Đức Hiếu	27.11.2002	Tuyên Quang	Nam	Kinh	008202000013	HBT/BD 005703	NVBC03/2026.25	
26	Vũ Tuyết Hoa	22.9.2003	Hà Nội	Nữ	Kinh	001303024709	HBT/BD 005704	NVBC03/2026.26	
27	Lê Minh Hùng	17.7.1996	Thái Nguyên	Nam	Kinh	006096002975	HBT/BD 005705	NVBC03/2026.27	
28	Phạm Tuấn Hùng	10.11.2003	TP. Hồ Chí Minh	Nam	Kinh	079203006385	HBT/BD 005706	NVBC03/2026.28	

TT	Họ và tên	Ngày sinh	Nơi sinh	Giới tính	Dân tộc	Số định danh cá nhân	Số hiệu CC	Số vào sổ gốc cấp CC	Ký nhận
29	Lê Thị Thanh Hương	06.8.1976	Lào Cai	Nữ	Kinh	015176000014	HBT/BD 005707	NVBC03/2026.29	
30	Nghiêm Minh Hường	08.9.2002	Hà Nội	Nữ	Kinh	001302003060	HBT/BD 005708	NVBC03/2026.30	
31	Nguyễn Minh Hường	13.3.1977	Lạng Sơn	Nữ	Kinh	020177000082	HBT/BD 005709	NVBC03/2026.31	
32	Xa Vân Khánh	02.9.1998	Phú Thọ	Nữ	Mường	017198004064	HBT/BD 005710	NVBC03/2026.32	
33	Nguyễn Hoàng Lan	04.02.2003	Hà Nội	Nữ	Kinh	001303017460	HBT/BD 005711	NVBC03/2026.33	
34	Lê Thủy Linh	12.01.1991	Gia Lai	Nữ	Kinh	52191007795	HBT/BD 005712	NVBC03/2026.34	
35	Nguyễn Trần Khánh Linh	20.6.2005	Nghệ An	Nữ	Kinh	040305002348	HBT/BD 005713	NVBC03/2026.35	
36	Lê Thị Khánh Linh	02.9.2001	Phú Thọ	Nữ	Kinh	025301007681	HBT/BD 005714	NVBC03/2026.36	
37	Nguyễn Chu Phương Linh	15.8.2000	Hà Nội	Nữ	Kinh	001300035626	HBT/BD 005715	NVBC03/2026.37	
38	Hoàng Thị Loan	26.4.2005	Hải Phòng	Nữ	Kinh	030305004774	HBT/BD 005716	NVBC03/2026.38	
39	Đông Thị Gien Ly	11.3.1992	Hồng Kông	Nữ	Kinh	022192001902	HBT/BD 005717	NVBC03/2026.39	

TT	Họ và tên	Ngày sinh	Nơi sinh	Giới tính	Dân tộc	Số định danh cá nhân	Số hiệu CC	Số vào sổ gốc cấp CC	Ký nhận
40	Nguyễn Thị Quỳnh Mai	20.4.1979	Hà Nội	Nữ	Kinh	001179044498	HBT/BD 005718	NVBC03/2026.40	
41	Nguyễn Tuấn Minh	28.12.2004	Hà Nội	Nam	Kinh	001204020994	HBT/BD 005719	NVBC03/2026.41	
42	Nguyễn Thúy My	23.01.1984	Hà Nội	Nữ	Kinh	001184002306	HBT/BD 005720	NVBC03/2026.42	
43	Trịnh Thị Duy Mỹ	02.4.1989	Lâm Đồng	Nữ	Kinh	068189001280	HBT/BD 005721	NVBC03/2026.43	
44	Đỗ Thị Thanh Nga	25.9.2005	Vĩnh Phúc	Nữ	Kinh	001305023587	HBT/BD 005722	NVBC03/2026.44	
45	Phạm Thị Nhàn	14.8.1983	Quảng Ninh	Nữ	Kinh	022183001197	HBT/BD 005723	NVBC03/2026.45	
46	Tạ Vũ Uyên Nhi	07.02.2002	Quảng Ninh	Nữ	Kinh	022302000007	HBT/BD 005724	NVBC03/2026.46	
47	Nguyễn Ngọc Bảo Nhi	07.4.2004	Hải Phòng	Nữ	Kinh	031304000088	HBT/BD 005725	NVBC03/2026.47	
48	Vũ Tô Hải Nhi	22.5.2006	Quảng Ninh	Nữ	Kinh	022306006866	HBT/BD 005726	NVBC03/2026.48	
49	Bùi Tuyết Nhung	01.12.2005	Hà Nội	Nữ	Kinh	001305025618	HBT/BD 005727	NVBC03/2026.49	
50	Ngô Minh Phú	26.9.2002	Hà Nội	Nam	Kinh	001202024817	HBT/BD 005728	NVBC03/2026.50	

TT	Họ và tên	Ngày sinh	Nơi sinh	Giới tính	Dân tộc	Số định danh cá nhân	Số hiệu CC	Số vào sổ gốc cấp CC	Ký nhận
51	Vũ Văn Phương	12.02.1985	Bắc Ninh	Nam	Kinh	027085007654	HBT/BD 005729	NVBC03/2026.51	
52	Vũ Quang	18.7.2003	Hà Nội	Nam	Kinh	001203036108	HBT/BD 005730	NVBC03/2026.52	
53	Vũ Hồng Sơn	04.5.1985	Hà Nội	Nam	Kinh	001085022144	HBT/BD 005731	NVBC03/2026.53	
54	Bùi Đức Thắng	04.3.1990	Phú Thọ	Nam	Mường	017090012123	HBT/BD 005732	NVBC03/2026.54	
55	Nguyễn Kim Thanh	23.01.2002	Hà Nội	Nữ	Kinh	027302010263	HBT/BD 005733	NVBC03/2026.55	
56	Nguyễn Lê Minh Thảo	03.11.2003	Hà Nội	Nữ	Kinh	001303023563	HBT/BD 005734	NVBC03/2026.56	
57	Nguyễn Trương Ngọc Thi	14.11.2005	Phú Yên	Nữ	Kinh	054305001184	HBT/BD 005735	NVBC03/2026.57	
58	Son Minh Thu	11.7.2001	Vĩnh Long	Nữ	Khmer	084301001710	HBT/BD 005736	NVBC03/2026.58	
59	Nguyễn Thị Thanh Thúy	02.11.1984	Đà Nẵng	Nữ	Kinh	048184005434	HBT/BD 005737	NVBC03/2026.59	

TT	Họ và tên	Ngày sinh	Nơi sinh	Giới tính	Dân tộc	Số định danh cá nhân	Số hiệu CC	Số vào sổ gốc cấp CC	Ký nhận
60	Nguyễn Thị Mai Thùy	12.6.2001	Nghệ An	Nữ	Kinh	040301013644	HBT/BD 005738	NVBC03/2026.60	
61	Hoàng Thu Trà	24.9.2001	Hà Nội	Nữ	Kinh	001301007185	HBT/BD 005739	NVBC03/2026.61	
62	Lê Mỹ Trang	01.5.2002	Hà Nội	Nữ	Kinh	001302027676	HBT/BD 005740	NVBC03/2026.62	
63	Ngô Huyền Trang	13.8.2005	Hà Nội	Nữ	Kinh	027305001857	HBT/BD 005741	NVBC03/2026.63	
64	Nguyễn Thu Trang	30.3.2004	Thanh Hóa	Nữ	Kinh	038304002367	HBT/BD 005742	NVBC03/2026.64	
65	Nguyễn Thị Thùy Trang	19.02.1982	Ninh Bình	Nữ	Kinh	036182014236	HBT/BD 005743	NVBC03/2026.65	
66	Phạm Văn Triển	06.01.1980	Nghệ An	Nam	Kinh	040080001919	HBT/BD 005744	NVBC03/2026.66	
67	Nguyễn Thị Thanh Trúc	05.9.2001	Cần Thơ	Nữ	Kinh	094301007811	HBT/BD 005745	NVBC03/2026.67	
68	Nguyễn Thanh Tùng	22.9.1993	Hà Nội	Nam	Kinh	001093046798	HBT/BD 005746	NVBC03/2026.68	
69	Đoàn Đại Việt	21.11.1988	Quảng Ngãi	Nam	Kinh	042088006679	HBT/BD 005747	NVBC03/2026.69	

TT	Họ và tên	Ngày sinh	Nơi sinh	Giới tính	Dân tộc	Số định danh cá nhân	Số hiệu CC	Số vào sổ gốc cấp CC	Ký nhận
70	Đình Thanh Việt	07.10.1987	Ninh Bình	Nam	Kinh	037087003085	HBT/BD 005748	NVBC03/2026.70	
71	Trần Lâm Vinh	25.9.2002	Hà Nội	Nam	Kinh	001202003743	HBT/BD 005749	NVBC03/2026.71	

Tổng số: 71 chứng chỉ.

Hà Nội, ngày 04 tháng 6 năm 2026

K/T GIÁM ĐỐC

PHÓ GIÁM ĐỐC

(Đã ký)

Nguyễn Thị Trường Giang